

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10-01-2018

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Hợp;
2. Ông Dương Quốc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 10 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2017/QĐXX-ST ngày 25 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thúy K**, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Hòa Phú, xã Mong Thọ, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh **Trương Văn Kh**, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ : ấp H, xã M, huyện Ch, tỉnh Kiên Giang

(Anh Kh có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 27-11-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thúy K trình bày: Vào năm 1990 chị và anh Trương Văn Kh quen biết nhau và cùng nhau đi đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau, không hợp nhau về tính tình và cách sống nên thường xuyên xảy ra cự cãi trong cuộc sống hàng ngày, mặc dù vợ chồng đã cố gắng duy trì để tiếp tục chung sống với nhau nhưng không kết quả. Đến năm 2015 do cuộc

sống hôn nhân giữa vợ chồng không tiếp tục được nữa nên anh Kh đã bỏ ra ngoài làm ăn sinh sống cho đến nay và cũng từ thời gian đó vợ chồng sống ly thân với nhau.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Kh không thể hàn gắn lại được, nếu tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc, nên chị quyết định xin ly hôn với anh Kh.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 người con chung: Trương Văn V, sinh năm 1996 và Trương Trí Kh, sinh ngày 12-02-2001, chị K xác nhận hiện nay cháu V đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, còn cháu Kh hiện nay đang sống chung với chị.

Về tài sản chung : Vợ chồng chị có tạo lập được một số tài sản chung nhưng vợ chồng đã tự thảo thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : Vợ chồng chị không có nợ ai nên cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thúy K yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Trương Văn Kh.

- Về con chung: Chị K xác nhận có 02 người con chung Trương Văn V, sinh năm 1996 và Trương Trí Kh, sinh ngày 12-02-2001, nhưng hiện nay cháu V đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn đối với cháu Khang chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị K xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai ngày 11 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trương Văn Kh trình bày :* Anh Kh thống nhất với lời trình bày của chị K về quan hệ hôn nhân cũng như mâu thuẫn, về thời gian sống ly thân, về con chung, về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có là đúng.

Tại phiên tòa hôm nay anh Trương Văn Kh vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 11-12-2017 (bút lục:19), Biên bản hòa giải ngày 22-12-2017 (bút lục: 28, 29, 30) và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 26-12-2017 (bút lục: 35), anh Kh có yêu cầu:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thúy K.

- Về con chung: Có 02 người con chung Trương Văn V, sinh năm 1996 và

Trương Trí Kh, sinh ngày 12-02-2001, nhưng hiện nay cháu V đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn đối với cháu Kh thì anh đồng ý giao cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Kh xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Kh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đọc thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thúy K có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang giải quyết vụ kiện tranh chấp xin ly hôn giữa chị và anh Trương Văn Kh. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm 4 khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

Anh Trương Văn Kh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn- Do đó yêu cầu của anh Kh là có căn cứ để chấp nhận và Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt anh Trương Văn Kh là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thúy K và anh Trương Văn Kh đều xác nhận anh chị chung sống với nhau từ năm 1990, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn: Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi làm ảnh hưởng cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc nữa và anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ chung sống giữa chị K và anh Kh sống với nhau từ năm 1990, nhưng không đăng ký kết hôn nên giữa chị K và anh Kh không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Bởi theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “ ***1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà***

không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Do đó, mối quan hệ giữa chị K và anh Kh không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Chị K và anh Kh đều xác nhận, trong thời gian chung sống giữa anh chị có 02 người con chung tên Trương Văn V, sinh năm 1996 và Trương Trí Kh, sinh ngày 12-02-2001 nhưng hiện nay cháu V đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn đối với cháu Kh từ khi anh chị sống ly thân với nhau cho đến nay cháu Kh do chị K chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại phiên hòa giải ngày 22-12-2017 chị K và anh Kh đã thỏa thuận, giao cháu Kh cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của cháu Kh được Tòa án lập biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 11-12-2017) và anh Kh không phải cấp dưỡng nuôi con - Do đó, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn phù hợp với pháp luật.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích cho chị K về quyền yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi cháu Kh cho đến khi đủ 18 tuổi theo mức quy định pháp luật nhưng chị K xác định không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Căn cứ vào lời khai của chị K và anh Kh trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị K và anh Kh đều xác nhận trong quá trình chung sống anh chị có tạo lập được một số tài sản chung nhưng anh chị đã tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, nếu sau này anh chị có tranh chấp và có yêu cầu Tòa án giải quyết thì sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị K và anh Kh đều xác nhận anh chị không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thúy K là nguyên đơn do đó phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thúy K và anh Trương Văn Kh.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự nguyện thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thúy K và anh Trương Văn Kh thống nhất giao con chung tên Trương Trí Kh, sinh ngày 12-02-2001 cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của cháu Kh được Tòa án lập biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 11-12-2017). Chị K không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương Văn Kh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thúy K và anh Trương Văn Kh đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thúy K và anh Trương Văn Kh đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí :Chị Nguyễn Thúy K phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0000835, ngày 08-12-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh Kiên Giang.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Chị K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Kh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang
- Viện kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂN PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do-Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 10 tháng 01 năm 2018

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Hợp;
2. Ông Dương Quốc Dũng.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 339/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp xin ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thúy Kiều**, sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp Hòa Phú, xã Mong Thọ, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh **Trương Văn Khanh**, sinh năm 1971

Địa chỉ : ấp Hòa Phú, xã Mong Thọ, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU :

Căn cứ Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hội đồng xét xử quyết định thống nhất cùng quan điểm 100%, thống nhất biểu quyết 3/3.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thúy Kiều và anh Trương Văn Khanh. Hội đồng xét xử quyết định thống nhất cùng quan điểm 100%, thống nhất biểu quyết 3/3.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự nguyện thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thúy Kiều và anh Trương Văn Khanh thống nhất giao con chung tên Trương Trí Khang, sinh ngày 12-02-2001 cho chị Kiều trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của cháu Khang được Tòa án lập biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 11-12-2017). Chị Kiều không yêu cầu anh Khanh cấp dưỡng nuôi con. Anh Trương Văn Khanh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Hội đồng xét xử quyết định thống nhất cùng quan điểm 100%, thống nhất biểu quyết 3/3.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thúy Kiều và anh Trương Văn Khanh đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử quyết định thống nhất cùng quan điểm 100%, thống nhất biểu quyết 3/3.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thúy Kiều và anh Trương Văn Khanh đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử quyết định thống nhất cùng quan điểm 100%, thống nhất biểu quyết 3/3.

5. Về án phí :Chị Nguyễn Thúy Kiều phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000835, ngày 08-12-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Hội đồng xét xử quyết định thống nhất cùng quan điểm 100%, thống nhất biểu quyết 3/3.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Chị Kiều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Khanh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Hội đồng xét xử quyết định thống nhất cùng quan điểm 100%, thống nhất biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 10 tháng 01 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Hằng

